

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 10 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh;

Ông Lê Quang Minh Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 32/TB-TA ngày 16/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm: 1981. Có mặt;

Bị đơn: Anh Đặng Sĩ Hoàng H, sinh năm 1976. Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/8/2021 và quá trình giải quyết vụ án tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc B và anh Đặng Sĩ Hoàng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 01/8/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, hôn nhân không có tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Sĩ Hoàng H.

Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc B và anh Đặng Sĩ Hoàng H có với nhau 03 con chung là cháu Đặng Thị Phương T, sinh ngày 21/6/2003; cháu Đặng Thị

Phương A, sinh ngày 14/6/2004 và cháu Đặng Sĩ T, sinh ngày 12/01/2010. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phương A và cháu Sĩ T. Chị B không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đặng Thị Phương T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Đặng Sĩ Hoàng H không đến tham gia hòa giải cũng như không có ý kiến trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị Ngọc B được ly hôn anh Đặng Sĩ Hoàng H.

- Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Đặng Thị Phương A, sinh ngày 14/6/2004 và cháu Đặng Sĩ T, sinh ngày 12/01/2010 cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Sĩ Hoàng H cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Sĩ Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc B và anh Đặng Sĩ Hoàng H là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi chị B và anh H sinh sống thì vợ chồng anh H, chị B

có phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong gia đình thì địa phương không nắm rõ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các phiên hòa giải nhưng anh H không đến tham gia, không có ý kiến trình bày cũng như đưa ra các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó thể hiện anh H không mong muốn đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cuộc hôn nhân.

Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc B là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị Lê Thị Ngọc B là hoàn toàn chính đáng. Anh H và chị B đều có nghề nghiệp, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh H không tham gia các phiên hòa giải và không có ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Các cháu Đặng Thị Phương A, sinh ngày 14/6/2004 và cháu Đặng Sĩ T, sinh ngày 12/01/2010 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tâm lý và sự phát triển toàn diện của các cháu nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Lê Thị Ngọc B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương A và cháu Sĩ T. Cháu Đặng Thị Phương T, sinh ngày 21/6/2003 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc B với anh Đặng Sĩ Hoàng H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 ngày 01/8/2002*).

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Phương A, sinh ngày 14/6/2004 và cháu Đặng Sĩ T, sinh ngày 12/01/2010 cho chị Lê Thị Ngọc B trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Sĩ Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Sĩ Hoàng H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Hà thực hiện quyền này.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Bích đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001282 ngày 03/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Dương sự;
- UBND X. TG, H. Triệu Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Sơn